

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HS-ST

Ngày 24 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khương Trung Thành và bà Đặng Thị Liễu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Nga - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử lưu động sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy P, sinh năm 1984; trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Viết Đ và bà Trần Thị T; có vợ là Trần Thị N và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016); tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án số 40/2012/HS-ST ngày 14/8/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2017 đến nay (có mặt).

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Xuân U, sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1989; trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Anh Đặng Văn X, sinh năm 1982; trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc(vắng mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Duy P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do có quen biết nhau nên khoảng cuối tháng 03 năm 2017, Đặng Văn X, sinh năm 1982 ở thôn N, xã L, huyện L mượn của anh Minh, quê ở Thái Bình (nhưng không rõ địa chỉ cụ thể) một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave đã cũ biển kiểm soát 88S7-8113 để đi về nhà. Vài ngày sau, X đem chiếc xe máy trên cầm cố cho Nguyễn Duy P, sinh năm 1984 ở thôn K, xã Đ, huyện L được 2.000.000đ để tiêu sài. Do không thấy X trả xe máy nên anh Minh đến nhà tìm X nhưng không gặp. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952 là mẹ đẻ X hỏi thì X nói đã cầm xe máy cho P nên chiều ngày 30/4/2017, bà L và anh Đặng Văn B, sinh năm 1987 (em trai X) đến nhà P để chuộc xe. Khi đó, P đang đi chơi cùng Trần Xuân U, sinh năm 1987 ở thôn T, xã Đ, huyện L nên P rủ U đến nhà X để trả xe máy. Trên đường đi, P nói với U và được U đồng ý: khi đến nhà X thì U sẽ đóng giả tên là Nguyễn Văn Tuấn làm Công an hình sự ở Vĩnh Yên đến để giải quyết việc X cầm cố xe máy, mục đích để người nhà X tin tưởng và đưa tiền cho U. Khoảng 19h ngày 30/4/2017, P và U đến nhà X thì gặp bà L, anh B và chị Xi (vợ B) ở nhà. P giới thiệu U tên là Nguyễn Văn Tuấn làm Công an hình sự Vĩnh Yên đến để giải quyết việc X cầm cố xe máy. U nói sẽ giúp để X không bị xử lý trước pháp luật. Nghe P và U nói như vậy, bà L và vợ chồng anh B tin tưởng U là công an nên nhờ U giúp đỡ X. Sau đó, P để lại chiếc xe máy X đã cầm cố và nhờ B đưa P và U về. Anh B lấy chiếc xe máy trên để chở P và U về đến khu vực Cầu Gạo, xã Đ, huyện L thì xe máy bị hỏng nên P gửi xe máy ở quán nước ven đường. Tại đây, B đưa cho P 2.000.000đ là tiền bà L đưa cho B để chuộc xe máy. P cầm tiền và cùng B, U đi chơi đến khoảng 01h30 ngày 01/5/2017 thì về nhà P ngủ. Tại nhà P, P nói với B: *“Bảo gia đình chuẩn bị ít tiền cảm ơn Tuấn đã lo việc cho X”* và được B đồng ý. Đến khoảng 06h00 ngày 01/5/2017, P, U và B lấy xe máy sửa rồi đi về nhà bà L. Tại nhà bà L, bà L đưa cho U một chiếc phong bì, U mở phong bì ra thấy bên trong có 1.000.000đ (gồm hai tờ tiền mệnh giá 500.000đ). U bảo P đưa cho 100.000đ rồi đưa cho bà L nói là cho bà mua quà, còn U cất số tiền 1.000.000đ vào người và cùng P ra về. Trên đường về, P bảo U về đưa tiền cho vợ P là Trần Thị N, sinh năm 1989. Khoảng 11h30 cùng ngày khi về đến nhà P, U đưa cho chị N 700.000đ và mua thuốc lá hút còn lại 227.000đ. P và U ăn cơm uống rượu tại nhà P đến khoảng 12h cùng ngày thì P bảo U gọi điện thoại bảo gia đình B chuẩn bị thêm 3.000.000đ để lo việc cho X và hẹn chiều đến lấy. Khoảng 13h30' cùng ngày, U gọi xe taxi và cùng P đến nhà bà L. Do say rượu nên P ngủ trong xe còn U một mình vào nhà bà L nhưng bà L nói gia đình không có tiền nữa nên U nói: *“...Trước nhờ công an bây giờ không nhờ nữa, giờ ra công an xã giải quyết...”*. Sau đó, U cùng P đi xe taxi hỏi đường đến nhà ông Th - Trưởng công an xã L và tự giới thiệu tên là Tuấn Công an hình sự ở Vĩnh Yên. Sau đó, ông Th mời U ra Ủy ban nhân dân xã L để làm việc thì bị phát hiện giả danh công an nên Công an xã L đã báo cáo Công an huyện L giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Trần Xuân U tự nguyện giao nộp số tiền 300.000đ, chị Trần Thị N (vợ P) tự nguyện giao nộp số tiền 700.000đ là tiền do U và P lừa đảo của gia đình bà L mà có.

Đối với Trần Xuân U, được Nguyễn Duy P bàn bạc và đồng ý đóng giả là Công an để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên,

số tiền chiếm đoạt nhỏ (dưới hai triệu đồng), bản thân U chưa bị xử phạt hành chính hoặc bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nên ngày 03/07/2017 Công an huyện L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với U.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Duy P đã khai nhận rõ hành phạm tội như nội dung nêu trên.

Đối với chị Nguyễn Thị N (vợ P), quá trình điều tra xác định không biết số tiền U đưa cho là do P và U lừa đảo chiếm đoạt mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Ngày 14/7/2017, Chị Trần Thị N (vợ P) đã tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 1.000.000đ là tiền do P phạm tội mà có. Bà L đã nhận đủ tiền và không có đề nghị gì khác. Chị N đề nghị được hoàn trả lại số tiền này.

Đối với số tiền 100.000đ U vay của P để cho bà L, quá trình điều tra P không yêu cầu U phải trả lại.

Đối với số tiền 2.000.000đ bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ X) đưa cho P để chuộc lại xe máy do X cầm cố, bà L không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với Đặng Văn X, có hành vi mượn xe máy của anh Minh sau đó đem cầm cố lấy tiền tiêu sài. Do không có địa chỉ cụ thể của anh Minh nên cơ quan điều tra không triệu tập làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau đối với X.

Vật chứng vụ án đã thu giữ: Số tiền 1.000.000đ [trong đó: chị Trần Thị N (vợ P) nộp 700.000đ; U nộp 300.000đ] là tiền do phạm tội mà có; 01 chiếc điện thoại di động Nokia bên trong có 01 sim điện thoại của Trần Xuân U sử dụng là phương tiện phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 38/KSĐT-KT ngày 18 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Nguyễn Duy P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Duy P từ 09 tháng đến 12 tháng tù, tổng hợp với 03 năm tù cho hưởng án treo của bản án số 40/2012/HS-ST ngày 14/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người liên quan, biên bản thu giữ vật chứng, ... và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định:

Qua mối quan hệ quen biết nên khoảng cuối tháng 3/2017, Đặng Văn X có mượn 01 chiếc xe mô tô của anh Minh quê ở Thái Bình để đi về nhà, sau đó X đem chiếc xe mô tô trên cầm cố cho Nguyễn Duy P. Biết X vi phạm pháp luật và muốn chiếm đoạt tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị L (là mẹ của X) nên P đã bàn bạc với U và được U đồng ý đóng giả làm công an. Nên khoảng 19 giờ ngày 30/4/2017 tại nhà của bà Nguyễn Thị L ở thôn N, xã X, huyện L, P giới thiệu U là công an thành phố Vĩnh Yên đến giải quyết việc X cầm cố xe máy nên bà Nguyễn Thị L tin tưởng U là công an và nhờ U lo cho X không bị xử lý trước pháp luật. Đến khoảng 06 giờ ngày 01/5/2017, tại nhà bà Nguyễn Thị L, bà L đã đưa cho Nguyễn Duy P và Trần Xuân U số tiền 1.000.000 đồng.

Hành vi gian dối đưa ra những thông tin không có thật làm cho người khác tin tưởng nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản do bị cáo Nguyễn Duy P thực hiện và trước đó ngày 14/8/2012 Nguyễn Duy P bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi nêu trên do bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị ... dưới hai triệu đồng nhưng ... đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung, phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương để làm gương cho người khác.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 14/8/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo đang trong thời gian thử thách của án treo nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy

định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như tính chất mức độ thực hiện tội phạm thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù một thời gian phù hợp mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đề nghị áp dụng hình phạt tù là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Đối với Trần Xuân U', được Nguyễn Duy P bàn bạc và đồng ý đóng giả là Công an để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, số tiền chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, bản thân U' chưa bị xử phạt hành chính hoặc bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nên ngày 03/7/2017 Công an huyện Lập Thạch ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với U' là phù hợp.

Đối với chị Trần Thị N (vợ P), quá trình điều tra xác định không biết số tiền U' đưa cho là do P và U' lừa đảo chiếm đoạt mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, người bị hại không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi P và U' chiếm đoạt được 1.000.000đồng từ bà L, U' đưa cho chị N 700.000đồng thì chị N đã nộp lại 700.000đồng và U' đã nộp lại 300.000đồng cho cơ quan điều tra. Ngày 14/7/2017 chị Trần Thị N đã bồi thường 1.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị L, nay chị N đề nghị trả lại số tiền 1.000.000 đồng, vì vậy cần trả lại chị N 1.000.000đồng trên.

Đối với số tiền 100.000 đồng U' vay của P để cho bà L, quá trình điều tra P không yêu cầu U' phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 2.000.000đ bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ X) đưa cho P để chuộc lại xe máy do X cầm cố, bà L không có yêu cầu đề nghị gì, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia bên trong có 01 sim điện thoại của Trần Xuân U' sử dụng là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, tịch thu bán sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại trên, còn chiếc sim điện thoại do không còn hoạt động được nên tịch thu tiêu hủy.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Duy P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy P 01 (Một) năm tù, tổng hợp với 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo của bản án số 40/2012/HS-ST ngày 14/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cả hai bản án là 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 15/5/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng: khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76, 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại chị Trần Thị N 1.000.000 đồng.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại của Trần Xuân U'.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/7/2017).

Bị cáo Nguyễn Duy P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Lập Thạch;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nghĩa